

Số: /BC-HĐND

Đắk Nông, ngày tháng 6 năm 2023

BÁO CÁO

Thẩm tra Tờ trình, dự thảo Nghị quyết quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và đối tượng khó khăn khác được hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

- Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo luật định, ngày tháng 6 năm 2023, Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra Tờ trình, dự thảo Nghị quyết quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và đối tượng khó khăn khác được hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Sau khi nghiên cứu, thảo luận, thống nhất ý kiến góp ý của các đại biểu tham dự họp; Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh báo cáo Kỳ họp thứ 6 HĐND tỉnh khoá IV kết quả thẩm tra như sau:

I. Sự cần thiết và thẩm quyền ban hành Nghị quyết

Căn cứ khoản 3 Điều 4 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội¹ (viết tắt là Nghị định số 20); điểm b khoản 3 Điều 6 Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH ngày 24/6/2021 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 20² (viết tắt là Thông tư số 02) và Công văn số 2323/LĐTBXH-BTXH ngày 20/7/2021 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về đính chính kỹ thuật Thông tư số 02; khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật³.

¹ Tùy thuộc điều kiện kinh tế - xã hội tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định: a) Mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn bảo đảm không thấp hơn mức chuẩn trợ giúp xã hội và mức trợ giúp xã hội quy định tại Nghị định này; b) Đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định này được hưởng chính sách trợ giúp xã hội.

² Căn cứ vào điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn cao hơn mức chuẩn trợ giúp xã hội và mức trợ giúp xã hội quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP; quyết định đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP được hưởng chính sách trợ giúp xã hội, trong đó có đối tượng người khuyết tật là thể hệ thứ ba của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học;

³ HĐND cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên.

Ngoài ra, để góp phần nâng cao phúc lợi cho các đối tượng bảo trợ xã hội, mức trợ giúp xã hội, tăng cường các khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản cho các đối tượng yếu thế, hướng tới mục tiêu không để ai bị bỏ lại phía sau; đồng thời tiếp tục thể hiện sự quan tâm của địa phương đối với các đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, tăng cường công tác an sinh xã hội góp phần đảm bảo công bằng, ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh. Việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và đối tượng khó khăn khác được hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh là cần thiết, đúng thẩm quyền.

II. Sự phù hợp của Dự thảo nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương

Trong thời gian qua, tỉnh Đắk Nông đã triển khai nhiều giải pháp để thúc đẩy công tác an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, tập trung huy động mọi nguồn lực thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách của Đảng, Nhà nước; các cấp, các ngành đã chủ động lồng ghép các nguồn lực để chăm lo cho các đối tượng yếu thế nhất là trẻ em mồ côi, người cao tuổi, người khuyết tật, hộ nghèo, hộ cận nghèo, nhằm tạo điều kiện cho các đối tượng yếu thế có cuộc sống ổn định hơn... Tuy nhiên, hiện nay mức sống của các đối tượng bảo trợ xã hội còn gặp rất nhiều khó khăn trong khi các chính sách vẫn chưa bao trùm hết tất cả các đối tượng yếu thế trong xã hội. Ngoài các đối tượng thuộc quy định hỗ trợ từ Trung ương (12.265 đối tượng) và vẫn còn một số đối tượng khó khăn khác (theo báo cáo kết quả rà soát của UBND tỉnh là 914 đối tượng) rất cần được hỗ trợ để góp phần giải quyết những khó khăn về đời sống vật chất, có thêm chi phí để trang trải cuộc sống và giảm bớt gánh nặng nuôi dưỡng, chăm sóc. Chính sách ban hành sẽ góp phần nâng cao nhận thức của người dân, tiếp tục tin tưởng vào chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước trong việc quan tâm đến người yếu thế; là bệ đỡ tinh thần cho người dân, đặc biệt các hộ gia đình nghèo, người cao tuổi không còn sức lao động, góp phần vào mục tiêu chung giảm nghèo bền vững, hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu kinh tế - xã hội của tỉnh đã đề ra⁴.

Do đó, dự thảo **Nghị quyết quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và đối tượng khó khăn khác được hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Đắk Nông** được xây dựng và đề nghị ban hành là phù hợp với đường lối chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và tình hình, điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương

III. Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết

Việc xây dựng dự thảo Nghị quyết cơ bản đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Cơ quan soạn

⁴ Theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Đắk Nông lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020-2025: Bình quân hằng năm giảm tỉ lệ hộ nghèo 2%, riêng đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ giảm từ 4% trở lên theo chuẩn nghèo 2021-2025.

thảo đã tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan và thực hiện báo cáo đánh giá tác động của chính sách theo quy định.

IV. Về nội dung dự thảo Nghị quyết

Trên cơ sở kết quả cuộc họp thẩm tra, Ban Văn hoá - Xã hội HĐND tỉnh thống nhất việc quy định cụ thể một số đối tượng khó khăn nêu tại Điều 4 dự thảo Nghị quyết áp dụng chính sách hỗ trợ từ nguồn ngân sách địa phương và kết luận một số nội dung cần kiến nghị như sau:

1. Về các nội dung quy định tại Điều 1 dự thảo Nghị quyết

a) Tại điểm b khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị quyết, việc quy định đối tượng áp dụng còn chung chung, chưa cụ thể. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, xem xét quy định đối tượng áp dụng cụ thể (*đưa các đối tượng được quy định tại Điều 4 vào điểm b khoản 2 Điều 1*) theo hướng trích dẫn điều, khoản về đối tượng thụ hưởng chính sách bảo trợ từ nguồn ngân sách địa phương sẽ đảm bảo chặt chẽ, phù hợp và chính xác, để quá trình triển khai thực hiện được đồng bộ, thống nhất, có hiệu quả. Đồng thời, bỏ Điều 4, tách **Phạm vi điều chỉnh** và **Đối tượng áp dụng** thành Điều 1 và Điều 2 và điều chỉnh lại các điều, khoản khác của dự thảo Nghị quyết cho phù hợp, thống nhất.

Đề nghị điều chỉnh và viết lại như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Sửa lại phạm vi điều chỉnh quy định tại Điều 1 như sau: “*Nghị quyết này quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và một số đối tượng khó khăn khác (ngoài đối tượng quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội) được hưởng chính sách trợ giúp xã hội từ nguồn ngân sách của địa phương trên địa bàn tỉnh Đắk Nông*”.

b) Điều chỉnh quy định về đối tượng áp dụng gồm các nội dung sau:

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. *Đối tượng bảo trợ xã hội được quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP.*
2. *Một số đối tượng khó khăn khác (ngoài đối tượng quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP), gồm:*

a) *Trẻ em dưới 3 tuổi...*

-

d) *Người cao tuổi đủ từ 75 tuổi đến 80 tuổi...”*

c) Đề nghị rà soát, điều chỉnh lại tên nghị quyết như sau: *Nghị quyết quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và một số đối tượng khó khăn khác (ngoài đối tượng quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ) được hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Đắk Nông*”, cho phù hợp với đối tượng áp dụng, nội dung của dự thảo Nghị quyết.

d) Theo báo cáo của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội⁵, hiện nay, đối tượng khuyết tật là thế hệ thứ ba của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học trên địa bàn tỉnh theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 6 Thông tư số 02 đã được hưởng chế độ, chính sách cho người khuyết tật theo quy định của Luật Người khuyết tật. Tuy nhiên, qua hoạt động giám sát thực tế của Ban Văn hoá - Xã hội HĐND tỉnh về việc thực hiện các chính sách, chế độ ưu đãi người có công và thân nhân người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh, hiện nay vẫn còn đối tượng người có công và thân nhân người có công với cách mạng nhiễm chất độc hoá học, điều kiện đời sống, sinh hoạt còn rất nhiều khó khăn, thiếu thốn đang tiếp tục kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết. Đề nghị cơ quan trình rà soát, báo cáo thực trạng, số lượng người khuyết tật là thế hệ thứ 3 của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học trên địa bàn tỉnh hiện đang hưởng chế độ, chính sách đối với các nội dung, mức hỗ trợ dành cho người khuyết tật theo quy định của Luật Người khuyết tật, trong đó có sự so sánh tính tương đồng giữa các chính sách ở nhóm đối tượng này.

2. Về nguyên tắc thực hiện quy định tại Điều 2 dự thảo Nghị quyết

Đề nghị bỏ khoản 2 Điều 2, vì nội dung này đã được quy định tại Điều 25 Nghị định số 20.

Đồng thời, để thống nhất với đối tượng áp dụng tại khoản 2 Điều 2, đề nghị sửa lại Điều 2 dự thảo Nghị quyết thành Điều 3 và viết lại như sau: "Trường hợp đối tượng được quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này thuộc diện...thì chỉ được hưởng một mức cao nhất".

3. Về mức chuẩn trợ giúp xã hội quy định tại Điều 3 dự thảo Nghị quyết

- Đề nghị bỏ khoản 1 Điều 3 của dự thảo Nghị quyết, vì nội dung này đã được quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 20 và đây là quy định chung được áp dụng trên toàn quốc.

- Tại khoản 2 Điều 3 dự thảo Nghị quyết, đề nghị bỏ cụm từ "từ ngày 01/7/2021", vì theo quy định tại khoản 3 Điều 152 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật: "Văn bản quy phạm pháp luật của HĐND... không được quy định hiệu lực trở về trước", đề nghị sửa Điều 3 thành Điều 4 và viết lại như sau: "Mức chuẩn trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông là 360.000 đồng/tháng".

4. Về các chính sách trợ giúp xã hội đối với các đối tượng khó khăn khác quy định tại Điều 5 dự thảo Nghị quyết

a) Theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 20, thẩm quyền của HĐND tỉnh quyết định: "Mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn...". Do đó, đề nghị sửa tiêu đề Điều 5 như sau: "Mức trợ giúp xã hội".

⁵ Báo cáo số 127/BC-SLĐTBXH ngày 05/5/2023 về tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp

Đồng thời, bổ sung 1 khoản quy định về mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị quyết cho phù hợp như sau: “1. *Mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội được quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này thực hiện theo Nghị định số 20/NĐ-CP*”.

b) Điều chỉnh khoản 1 Điều 5 của dự thảo Nghị quyết thành khoản 2 như sau:

“2. *Mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng khó khăn khác quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này được hưởng chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng...*”.

c) Điều chỉnh khoản 2 thành khoản 3, khoản 3 thành khoản 4, khoản 4 thành khoản 5 tương ứng.

5. Đề nghị cơ quan trình dự thảo Nghị quyết soát xét, nghiên cứu và điều chỉnh để xây dựng các mức trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội quy định tại Điều 4 dự thảo Nghị quyết đảm bảo phù hợp, có sự thống nhất về các mức trợ giúp xã hội giữa nghị quyết này với mức quy định tại Nghị định số 20. Đối tượng bảo trợ xã hội quy định tại Điều 5 Nghị định số 20 được xem như là đối tượng ưu tiên số một về mức độ khó khăn, yếu thế trong xã hội. Như vậy, các đối tượng khó khăn khác quy định tại Điều 4 dự thảo Nghị quyết sẽ là đối tượng ưu tiên số hai. Tuy nhiên, mức trợ giúp xã hội cho một số đối tượng quy định tại Điều 4 dự thảo Nghị quyết được dự kiến cao hơn hoặc bằng với nhóm đối tượng được quy định tại Điều 5 Nghị định số 20. Việc quy định mức trợ giúp xã hội cao hơn hoặc bằng chỉ đúng và có ý nghĩa khi áp dụng cho cùng một đối tượng hoặc nhóm đối tượng cụ thể.

Ví dụ, đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 4 dự thảo Nghị quyết (bao gồm các đối tượng sinh sống tại các thị trấn, thị tứ, thành phố thuộc tỉnh) dự kiến được hưởng mức trợ giúp xã hội hàng tháng bằng mức chuẩn trợ giúp xã hội nhân với **hệ số 1,5** tương đương 540.000 đồng/người/tháng), tuy nhiên cùng đối tượng nêu trên được quy định tại điểm b khoản 5 Điều 5 Nghị định số 20 và đang sinh sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn chỉ được hưởng mức trợ cấp xã hội hàng tháng bằng mức chuẩn trợ giúp xã hội nhân với **hệ số 1.0** (tương đương 360.000 đồng/người/tháng).

Như vậy, đề nghị cơ quan trình rà soát đảm bảo việc dự kiến các mức trợ giúp xã hội tương ứng cho các đối tượng tại Điều 4 dự thảo Nghị quyết phải thấp hơn mức trợ giúp xã hội cho nhóm đối tượng quy định tại Điều 5 Nghị định số 20. Việc quy định mức trợ giúp xã hội đối với các đối tượng nêu tại Điều 5 dự thảo Nghị quyết cần được xem xét, thực hiện đúng trên cơ sở nguyên tắc quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 20/NĐ-CP⁶, đồng thời đảm bảo tính logic, phù hợp thực tế. Các mức trợ giúp xã hội được dự kiến cho từng đối tượng tại Điều 4 dự thảo Nghị quyết phải thấp hơn mức trợ giúp xã hội cho đối tượng quy định tại Điều 5 Nghị định số 20/NĐ-CP trong trường hợp cùng hoàn cảnh nhưng

⁶ Chính sách trợ giúp xã hội được thực hiện kịp thời, công bằng, công khai, minh bạch; hỗ trợ theo mức độ khó khăn và ưu tiên tại gia đình, cộng đồng nơi sinh sống của đối tượng.

sinh sống tại các vùng, khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc có hoàn cảnh khó khăn hơn.

6. Xem xét báo cáo của UBND tỉnh tại Tờ trình và hồ sơ trình dự thảo Nghị quyết, Ban Văn hoá - Xã hội HĐND tỉnh đề nghị cơ quan trình dự thảo Nghị quyết nghiên cứu, xem xét các nội dung sau:

a) Cơ quan xây dựng dự thảo Nghị quyết báo cáo đã cân nhắc, lựa chọn và cụ thể hoá các đề xuất, ý kiến của các địa phương thành 04 nhóm đối tượng khó khăn khác ngoài đối tượng được hưởng chính sách trợ giúp xã hội của Nghị định số 20 để xây dựng chính sách. Tuy nhiên, đây là chính sách đặc thù của địa phương, để tránh không bị bỏ sót và đảm bảo công bằng cho các đối tượng cũng như hiệu quả của chính sách về lâu dài, trường hợp nghị quyết được thông qua để áp dụng thực tế, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo, trong quá trình thực hiện tiếp tục theo dõi, rà soát, cập nhật đầy đủ các đối tượng còn khó khăn, thực sự cần thiết phải được hỗ trợ chính sách để kiến nghị HĐND tỉnh kịp thời sửa đổi, bổ sung.

b) Theo nội dung các chính sách trợ giúp xã hội được quy định tại Chương III, IV, V Nghị định số 20, việc quy định một số nội dung, mức chi còn chung chung và nguồn kinh phí theo phân cấp (trường hợp ngân sách cấp dưới không đảm bảo được thì báo cáo đề xuất bố trí kinh phí từ ngân sách cấp trên). Do đó, đề nghị cơ quan trình soát xét sự cần thiết để cụ thể hoá văn bản của địa phương, tạo điều kiện cho các cơ quan, đơn vị thuận lợi trong quá trình thực hiện (ví dụ như quy định trợ giúp xã hội khẩn cấp về lương thực và nhu yếu phẩm thiết yếu từ nguồn ngân sách nhà nước kèm theo tờ trình tại Điều 12 Nghị định số 20).

c) Theo Tờ trình của UBND tỉnh, tại phụ lục I, phụ lục II về tổng hợp kinh phí thực hiện chính sách trợ giúp xã hội, trong đó có lệ phí chi trả chế độ hàng tháng qua hệ thống bưu điện, đối với ngân sách Trung ương hỗ trợ cho tỉnh bình quân 1 năm là 1.346 đồng và ngân sách địa phương là 109.680 triệu đồng. Tuy nhiên, qua giám sát thực tế của Ban Văn hoá - Xã hội về việc thực hiện chính sách, chế độ người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh, hiện nay việc thực hiện phương thức chi trả chế độ, chính sách hàng tháng qua bưu điện ở một số địa phương, cơ quan chuyên môn khó quản lý và theo dõi. Do đó, đề việc chi trả được thực hiện có hiệu quả, đề nghị UBND tỉnh xem xét chỉ đạo khảo sát, phân loại đối tượng để có phương thức chi trả phù hợp, đồng thời đảm bảo công tác theo dõi, giám sát, nắm bắt số lượng đối tượng được thường xuyên, kịp thời.

V. Kết luận, kiến nghị

Việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và đối tượng khó khăn khác được hưởng chính sách trợ giúp xã hội là cần thiết, đúng quy định, đúng thẩm quyền, phù hợp với Hiến pháp, pháp luật hiện hành. Ban Văn hoá - Xã hội HĐND tỉnh đề nghị cơ quan trình dự thảo Nghị quyết nghiên cứu ý kiến thẩm tra, chỉnh sửa hoàn chỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

Trên đây là ý kiến thẩm tra đối với Tờ trình, dự thảo Nghị quyết quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và đối tượng khó khăn khác được hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Ban Văn hoá - Xã hội HĐND tỉnh báo cáo, kính trình HĐND tỉnh xem xét./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- UBND tỉnh;
- Sở LĐ, TB & XH;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- LĐ VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- LĐ Phòng CTHĐND;
- Lưu: VT.

**TM. BAN VĂN HÓA - XÃ HỘI
TRƯỞNG BAN**

Bùi Huy Thành

Stt	Đối tượng, mức hỗ trợ tại Dự thảo Nghị quyết		Đối tượng, mức hỗ trợ tại Nghị định 20	
1	Người từ 75 đến 80 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo	1,5	1,0	Người từ 75 đến 80 tuổi hộ nghèo, cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào DTTS&MN đặc biệt khó khăn
2	Trẻ em dưới 3 tuổi thuộc hộ nghèo (khi xây dựng NQ đã bỏ bớt hộ cận nghèo do ngân sách không đảm bảo)	1,5	1,5	Trẻ em dưới 3 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào DTTS&MN đặc biệt khó khăn
3	Trẻ em dưới 16 tuổi có cha hoặc mẹ là người khuyết tật nặng (hưởng trợ cấp 1,5), đặc biệt nặng (hưởng trợ cấp 2,0) ; người còn lại đang chấp hành án phạt tù	1,5	1,5	Trẻ em dưới 16 tuổi có cha hoặc mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở BTXH ; người còn lại đang chấp hành án phạt tù
4	Trẻ dưới 16 tuổi mồ côi cha hoặc mẹ , người còn lại là người khuyết tật nặng (hưởng trợ cấp 1,5) hoặc đặc biệt nặng (hưởng trợ cấp 2,0);	1,5	1,5	Trẻ em dưới 16 tuổi mồ côi cả cha và mẹ
5	Trẻ dưới 16 tuổi cả cha và mẹ là người khuyết tật nặng (hưởng trợ cấp 1,5) hoặc đặc biệt nặng (hưởng trợ cấp 2,0);	1,5	1,5	Trẻ em dưới 16 tuổi cả cha và mẹ bị tuyên bố mất tích/ hoặc đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội, nhà xã hội